

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 50/2022/DS-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Văn

2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Kim, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lưu Quốc T, sinh năm 1960 (có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị N (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng P—
Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội Luật gia tỉnh Cà Mau (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn N (vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Vũ Đ (vắng mặt)

3.2. Anh Nguyễn Văn S (vắng mặt)

3.3. Chị Nguyễn Mộng N (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3.4. Anh Lưu Quốc K (vắng mặt)

3.5. Anh Lưu Quốc V (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã KA, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

3.6. Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn A (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Anh C – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Thới Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2020, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Lưu Quốc T trình bày:***

Từ năm 2014 đến năm 2017 vợ chồng ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Thị N có nhận chuyển nhượng các phần đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Mỹ L cùng các con của bà L và ông N, hợp đồng chuyển nhượng được thể hiện bằng giấy tay, cụ thể: “Giấy chuyển nhượng đất để ở” 27/9/2014 có nội dung ông T, bà N nhận chuyển nhượng của ông N, bà L và các con ông bà phần đất có diện tích 200 m², giá thỏa thuận 30.000.000 đồng; “Giấy mua bán nhà và đất” đề ngày 10/11/2017, nội dung ông T, bà N tiếp tục nhận chuyển nhượng của hộ bà L, ông N phần đất có diện tích ngang 4,7m, dài 16 m, diện tích theo đo đạc thực tế 75,2 m² với giá trị 55.000.000 đồng, các phần đất này cùng tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Hai phần đất này liền kề với nhau. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông T, bà N đã san lấp mặt bằng và cất nhà ổn định trên đất từ năm 2017 cho đến nay, không phát sinh tranh chấp với ai.

Tuy nhiên, việc chuyển nhượng giữa vợ chồng ông T, bà N với hộ bà L, ông N chỉ lập bằng giấy tay và hẹn trong hạn 03 tháng sẽ làm thủ tục chuyển tên giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Ông T, bà N đã hoàn thành thủ tục trả tiền, phía hộ bà L, ông N đã hoàn thành thủ tục giao đất nhưng hiện tại hộ bà L, ông N không làm thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà N, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà.

Tại phiên tòa, ông T khởi kiện yêu cầu hộ bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và có nghĩa vụ thực hiện việc chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 200 m², tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cho ông T, bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 88,5 m², tọa lạc cùng địa chỉ theo hợp đồng thỏa thuận năm năm sau có tiền chuộc lại theo thời điểm, nay chưa đến hạn hợp đồng nên ông T xin rút yêu cầu này đối với bà L, ông N.

**** Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2020, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Bà Nguyễn Thị N thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Lưu Quốc T, bà không có ý kiến bổ sung.

**** Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Mỹ L trình bày:***

Năm 2014 gia đình bà L có chuyển nhượng cho vợ chồng ông T, bà N một phần đất có diện tích 200 m² với giá trị 30.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng ông bà có nói trước là đất chưa sang tên được do giấy chứng nhận quyền sử dụng còn đang thế chấp tại ngân hàng, khi nào có khả năng sẽ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà N, ông T và bà N thống nhất nhận chuyển nhượng phần đất này. Ông T và bà N đã giao đủ tiền, phía gia đình bà đã giao đất cho ông T, bà N quản lý, sử dụng và cất nhà ổn định trên đất.

Năm 2017 do nợ tiền hụi của bà N nên bà L có thế chấp cho bà N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 55.000.000 đồng, hạn 05 năm sẽ chuộc lại với giá 120.000.000 đồng. Khi bà đi vắng nhà, bà N có yêu cầu con của bà ký tên giấy chuyển nhượng. Đối với phần đất nay bà L không có ký tên vào giấy sang nhượng đất.

Bà L xác định bà là người ký tên thay cho anh Sơn khi chuyển nhượng phần đất có diện tích 200 m² cho vợ chồng ông T, bà N. Thực tế, bà N cất nhà trên phần đất có chiều ngang mặt hậu 5,7m. Khi bà N cất nhà, bà L có nói việc lấn đất nêu trên nhưng bà N vẫn cất nhà.

Nay bà L đại diện hộ gia đình thống nhất tách quyền sử dụng phần đất có diện tích 200 m² đã chuyển nhượng lần đầu cho ông T, bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với điều kiện khi bà trả tiền ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về.

Đối với phần đất có chiều ngang 4,5m, chiều dài 16m còn trong thời hạn thỏa thuận 05 nên bà L không đồng ý chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà L đồng ý chuộc lại đất với giá trị 65.000.000 đồng.

**** Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn S trình bày:***

Anh S thống nhất lời trình bày của mẹ anh là bà Nguyễn Mỹ L, anh xác định là người sống chung với bà L, ông N. Anh s xác định từ trước đến nay anh không ký bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến việc chuyển nhượng đất cho ông T, bà N. Khi bà N cất nhà trên phần đất sang nhượng lần thứ hai anh có đứng ra ngăn cản nhưng không được, ông T xác định cất ở tạm đến khi nào trả sẽ đập bỏ.

Nay anh thống nhất cùng với cha mẹ anh là ông Ng, bà L tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà N phần đất có diện tích 200 m² như bà L trình bày. Đối với phần đất có chiều ngang 4,5m, chiều dài 16m còn trong thời hạn thỏa thuận 05 nên bà L không đồng ý chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh thống nhất với ý kiến bà L chuộc lại đất từ ông T, bà N với giá trị 65.000.000 đồng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu quan điểm:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Yêu cầu của ông Lưu Quốc T và bà Nguyễn Thị N đối với phần đất đã nhận chuyển nhượng có diện tích 200m m², tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, xét thấy tuy hợp đồng thể hiện dưới hình thức giấy tay nhưng hai bên giao dịch đã giao đất, nhận tiền và cất nhà ổn định trên đất, quá trình giải quyết vụ án hộ gia đình bà L thống nhất chuyển nhượng đất này cho ông T, bà N nhưng chưa tách quyền sử dụng đất được do ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu của ông T, bà N đối với bà L, ông N về việc tách giấy chứng nhận phần đất có diện tích 200m² là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông T, bà N đối với bà L, ông N về phần đất có diện

tích theo đo đạc thực tế 88,5 m², tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng thỏa thuận năm năm sau có tiền chuộc lại theo thời điểm, nay chưa đến hạn hợp đồng, ông T, bà N xin rút yêu cầu này đối với bà L, ông N là phù hợp nên đề nghị đình chỉ yêu cầu của ông T, bà L về phần đất này. Án phí dân sự, chi phí thẩm định, đo đạc xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N và những người liên quan là anh Nguyễn Vũ Đ, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Mộng N công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất có diện tích 200 m² và chuyển tên quyền sử dụng phần đất nêu trên cho ông T, bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Phần đất yêu cầu tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Vũ Đ, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Mộng N, anh Lưu Quốc K, anh Lưu Quốc V, đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn A, nhưng bà L, ông N, anh S, anh Đ, chị N, anh K, anh V vắng mặt không có lý do, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 228, xét xử vắng mặt các đương sự còn lại theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Thị N với hộ bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N là thực tế có xảy ra. Tại bản vẽ hiện trạng, lập ngày 08/02/2021 và Bản vẽ hiện trạng lập ngày 09/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thể hiện phần đất tranh chấp được giới hạn bởi các mốc M1-M2-M11-M12-M9-M10 có tổng diện tích theo đo đạc thực tế 200 m², thuộc thửa đất số 19, 50, tờ bản đồ số 30 (bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2016), tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, ông T, bà N và hộ bà L, ông N không thỏa thuận được với nhau nên phát sinh tranh chấp.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Thị N yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N công nhận hợp đồng chuyển nhượng và làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 200m² thuộc thửa đất số 19, 50, tờ bản đồ số 30 (bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2016), đất tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét thấy hợp đồng quyền nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà N với hộ bà L, ông N tuy không có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng các bên đã thực hiện được 2/3 nghĩa vụ trong hợp đồng, tức ông T, bà N đã thanh toán tiền, bà L, ông N đã giao đất, các bên đã quản lý, sử dụng ổn định, ông T và bà N đã cất nhà kiên cố trên phần đất nhận chuyển nhượng, hộ bà L, ông N cũng thừa nhận sự việc này, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ngân hàng đang giữ nên không tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T được. Do đó, xét thấy yêu cầu của ông T, bà N là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với phần đất theo “Giấy mua bán nhà và đất” đề ngày 10/11/2017, nội dung ông T, bà N tiếp tục nhận chuyển nhượng của hộ bà L, ông N phần đất có diện tích ngang 4,7m, dài 16 m, diện tích theo đo đạc thực tế 88,5 m², tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, tại phiên tòa ông T, bà N xác định hợp đồng có điều kiện 05 năm, tính đến thời điểm hiện tại chưa đủ 05 năm nên ông T, bà N rút yêu cầu đối với phần đất này. Khi hợp đồng đến hạn, bà L, ông N không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng thì ông T, bà N sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Xét việc rút yêu cầu này của ông T, bà N là phù hợp nên chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 88,5 m² của ông T, bà N.

[6] Đối với yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn A về việc bà Nguyễn Mỹ L thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký kết. Xét thấy, hợp đồng vay vốn giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn A và bà Nguyễn Mỹ L chưa đến hạn thanh toán, ngân hàng có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà L, xác định đây là hợp đồng tín chấp, phần đất bà L, ông N sang nhượng cho ông T, bà N có diện tích nhỏ, không ảnh hưởng đến quyền lợi ngân hàng. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn A không dự nộp tạm ứng án phí nên không xem xét tại vụ án này là phù hợp.

[7] Tại biên bản xem xét thẩm định phần đất tranh chấp và các tài sản có trên phần đất tranh chấp ngày 25/01/2021 và chứng thư định giá của công ty định giá thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 200 m² có giá trị 360.000.000 đồng. Trên phần đất tranh chấp hộ ông T, bà N có xây dựng 01 căn nhà có giá trị 381.094.000 đồng, là tài sản của hộ ông T, bà N. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xem xét là phù hợp.

[8] Đối với chi phí đo đạc, định giá tài sản đất và tài sản gắn liền với đất: Chi phí đo đạc 6.113.000 đồng, chi phí định giá tài sản 12.623.000 đồng, tổng cộng 18.736.000 đồng. Xét thấy, việc phát sinh tranh chấp là do lỗi của vợ chồng bà L, ông N không tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà L, ông N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông T, bà N đối với chi phí thẩm định, định giá tài sản tương ứng với phần đất và tài sản có trên phần đất tranh chấp 200 m² với chi phí thẩm định 4.238.000; chi phí định giá là 8.751.000 đồng. Ông T, bà N rút yêu cầu đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích theo đo đạc thực tế 88,5 m² nên ông T, bà N phải chịu chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản tương ứng với diện tích đã rút yêu cầu với chi phí đo đạc thẩm định 1.875.000 đồng; chi phí định giá 3.872.000 đồng, tổng cộng bà L và ông N chịu 12.989.000 đồng, ông T và bà N phải chịu 5.747.000 đồng. Ông T, bà N đã dự nộp 18.736.000 đồng nên bà L, ông N có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T, bà N số tiền 12.989.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Các vấn đề khác: Trường hợp bà L, ông N chậm trả cho phí đo đạc thẩm định, định giá tài sản thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự không phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm 2 khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 129, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; các điều 166 và Điều 203 Luật đất đai; Các điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N đối với phần đất có diện tích 88,5 m², tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2.1 Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện dưới hình thức “Giấy chuyển nhượng đất ở” đề ngày 27/9/2014.

2.2. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N cùng các con ông bà là anh Nguyễn Vũ Đ, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Mộng N có nghĩa vụ cùng ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Thị N liên hệ với cơ quan chuyên môn thực hiện thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 200 m², thuộc thửa đất số 19, 50, tờ bản đồ số 30 (bản đồ địa chính chính lý năm 2016), tọa lạc tại Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Về vị trí, kích thước theo bản vẽ hiện trạng duyệt ngày 09/6/2021 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

Mặt tiền từ mốc M1 đến mốc M2 giáp đường bê tông (1.5m) dài 8.34 m;

Mặt hậu nhìn từ mặt tiền từ mốc M12 đến mốc M11 giáp phần đất còn lại của bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn Nghiệp dài 16,12 m;

Cạnh phải nhìn từ mặt tiền từ mốc M2 đến mốc M11 giáp phần đất ông T, bà N rút yêu cầu dài 17.66 m;

Cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp hộ ông Hồ Sơn Tùng từ mốc M1 đến mốc M10 dài 11.40 và từ mốc M9 đến mốc M12 dài 6.44m.

3. Về cho phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Buộc là Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Mỹ L số tiền 12.989.000 đồng (mười hai triệu chín trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lưu Quốc T, bà Nguyễn Mỹ L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng vợ chồng bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Nguyễn Mỹ L, ông Nguyễn Văn N được miễn tiền nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh